

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 20-3-2019

V/v Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn A Đam

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Xuân Miến

Bà Nguyễn Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Tăng Thị Nhớ là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Th Răng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 08/2019/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc “*Tranh chấp xin ly hôn*”

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 259/2018/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố CM bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2018/QĐ-PT ngày 18 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1974

Địa chỉ cư trú: Số nhà 230/8, đường Bùi Thị Tr, khóm 3, phường 5, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị Huỳnh Ngọc Th, sinh năm 1981

Địa chỉ cư trú: Số nhà 230/8, đường Bùi Thị Tr, khóm 3, phường 5, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn S – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân: Anh S và chị Th kết hôn năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph M, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh S xin được ly hôn với chị Th.

Đối với chị Th xác định vợ chồng có mâu thuẫn là do anh S thường xuyên chửi và nhục mạ chị, nói chị có quan hệ tình cảm với người khác nhưng lại không có bằng chứng nào và anh S thường sử dụng điện thoại lén lút, không rõ ràng nên chị không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh S.

Về con chung: Anh S và chị Th có 02 con chung: Nguyễn Huỳnh Hải L, sinh ngày 23/4/2011 và Nguyễn Huỳnh Hải Ph, sinh ngày 20/11/2012. Khi ly hôn anh S và chị Th đều yêu cầu nuôi con. Anh S không đặt ra việc cấp dưỡng. Còn chị Th thì yêu cầu anh S cấp dưỡng cho cháu Ph mỗi tháng 3.500.000 đồng.

Về tài sản chung: Tiền mặt có 500.000.000 đồng, sổ tiết kiệm 140.000.000 đồng đứng tên Huỳnh Ngọc Th; 01 căn nhà và đất diện tích 92,37m², tọa lạc tại số 230/8, đường Bùi Thị Tr, khóm 3, phường 5, thành phố CM, trị giá 2.000.000.000 đồng; 01 xe AirBlade biển số 69B1 – 121.34 do chị Th đứng tên, giá trị khoảng 43.000.000 đồng, ngoài ra còn một số vật dụng khác trong gia đình như ti vi, tủ lạnh...

Khi ly hôn anh S yêu cầu nhận nhà và hoàn lại chị Th 1.000.000.000 đồng; tiền mặt chia mỗi người 250.000.000 đồng; xe AirBlade anh đồng ý giao cho chị Th quản lý, sử dụng; tiền tiết kiệm anh không yêu cầu chia, còn các vật dụng trong gia đình anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết. Đối với chị Th xác định, nếu ly hôn thì chị đồng ý chia tài sản theo như anh S đặt ra.

Về nợ chung: Anh, chị xác định không có.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số:259/2018/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

Căn cứ Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn S về việc xin ly hôn với chị Huỳnh Ngọc Th.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm anh S phải chịu 300.000 đồng, ngày 06 tháng 8 năm 2018 anh S đã dự nộp 25.050.000 đồng tại Biên lai số 0001141 được đối trừ chuyển thu sung quỹ nhà nước. Anh S được hoàn lại 24.750.000 đồng khi bản án có hiệu lực.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/12/2018 anh Nguyễn Văn S kháng cáo bản án sơ thẩm, anh S yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận cho anh S và chị Th ly hôn và giải quyết quyền nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa Ph biểu:
Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng quy định pháp luật tố tụng

dân sự; các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định. Về nội dung: Xét về mâu thuẫn giữa anh S, chị Th chưa đến mức trầm trọng, cần có thời gian cho anh S, chị Th hàn gắn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn S; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của anh Nguyễn Văn S, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Anh S và chị Th tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Phú M, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau, do đó đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tại phiên tòa anh S cho rằng quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị Th thường xuyên xúc phạm anh và gia đình anh, nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh S xin được ly hôn với chị Th. Đối với chị Th xác định vợ chồng có mâu thuẫn là do anh S thường xuyên chửi và nhục mạ chị, gia đình chị, cho rằng chị có quan hệ tình cảm với người khác nhưng không có bằng chứng nào và anh S thường sử dụng điện thoại lén lút, không rõ ràng. Chị Th thừa nhận có nhiều mâu thuẫn với anh S và cũng chưa có giải pháp nào để hàn gắn tình nghĩa vợ chồng, hiện chị và anh S sống chung nhà nhưng không có nói chuyện và chăm sóc lẫn nhau, do vì các con chung nên chị Th không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh S.

[2] Xét kháng cáo yêu cầu được ly hôn của anh S thấy rằng: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và lời trình bày của anh S, chị Th tại phiên tòa hôm nay xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa anh S và chị Th có xảy ra mâu thuẫn trên thực tế, anh S, chị Th đều thừa nhận có mâu thuẫn nêu trên, anh S kiên quyết yêu cầu xin ly hôn với chị Th, chị Th không đồng ý ly hôn với anh S vì các con chung. Cụ thể Tại phiên phúc thẩm hôm nay chị Th, anh S cho rằng kể từ ngày xét xử sơ thẩm chị và anh S không có nói chuyện với nhau, không quan tâm chăm sóc cho nhau, không cùng giáo dục con chung, hai người thường hay xúc phạm lẫn nhau qua lời nói, qua điện thoại, chị Th cũng không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn mâu thuẫn giữa chị và anh S. Qua đó cho thấy, mâu thuẫn trong hôn nhân giữa anh S và chị Th đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh S kháng cáo xin ly hôn với chị Th là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của anh S về yêu cầu nuôi con chung thấy rằng tại phiên tòa anh S yêu cầu nuôi hai con tên Nguyễn Huỳnh Hải L, sinh ngày 23/4/2011 và Nguyễn Huỳnh Hải Ph, sinh ngày 20/11/2012, anh S không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa chị Th cũng yêu cầu nuôi hai con, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Anh S đồng ý giao hai con cho chị Th nuôi dưỡng, anh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng 2.000.000 đồng/người

cho đến khi các con anh, chị tròn 18 tuổi và được chị Th chấp nhận. Xét thấy, anh S và chị Th tự thỏa thuận với nhau về việc anh Th đồng ý giao hai con cho chị Th nuôi dưỡng và anh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi các con là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội và chị Th có việc làm thu nhập ổn định có điều kiện nuôi dưỡng các con anh, chị nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh S và chị Th, giao hai con cho chị Th nuôi dưỡng.

[4] Đối với tài sản chung, nợ chung bản án sơ thẩm chưa đề cập giải quyết nên cấp phúc thẩm không có cơ sở xem xét. Do đó, anh S, chị Th có quyền tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, nợ chung nếu không tự thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện phân chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là chưa phù hợp nên được Hội đồng xét xử có điều chỉnh cho phù hợp.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm về hôn nhân và gia đình: Anh S không phải chịu. Án phí về cấp dưỡng nuôi con anh phải chịu 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[7] Những quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết; có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn S.

Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 259/2018/HNGĐ-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố CM.

Chấp nhận cho Nguyễn Văn S được ly hôn với chị Huỳnh Ngọc Th.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc anh Nguyễn Văn S giao hai con chung tên Nguyễn Huỳnh Hải L, sinh ngày 23/4/2011 và Nguyễn Huỳnh Hải Ph, sinh ngày 20/11/2012 cho chị Huỳnh Ngọc Th nuôi dưỡng.

Buộc anh S giao các con chung tên Nguyễn Huỳnh Hải L, sinh ngày 23/4/2011 và Nguyễn Huỳnh Hải Ph, sinh ngày 20/11/2012 cho chị Huỳnh Ngọc Th nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn S không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền thăm nom con, không ai có quyền ngăn cản.

Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con của anh S, mỗi người con anh S cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng đến khi các con chung anh S, chị Th tròn 18 tuổi.

Buộc anh S cấp dưỡng cho hai con tên Nguyễn Huỳnh Hải L, sinh ngày 23/4/2011 và Nguyễn Huỳnh Hải Ph, sinh ngày 20/11/2012 mỗi con 2.000.000 đồng/ tháng đến khi các con tròn 18 tuổi.

Trường hợp người được thi hành án có đơn yêu cầu nếu những người có nghĩa vụ thi hành án mà chậm Th toán các khoản tiền thuộc về trách nhiệm của mình thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí :

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh S phải chịu 300.000 đồng, ngày 06 tháng 8 năm 2018 anh S đã dự nộp 25.050.000 đồng tại Biên lai số 0001141 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CM được đối trừ; anh S được hoàn lại 24.750.000 đồng khi bản án có hiệu lực.

- Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Anh S không phải chịu, đã qua anh S có dự nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001774 ngày 11/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CM được nhận lại. Án phí cấp dưỡng nuôi con anh S phải chịu 300.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CM khi án có hiệu lực pháp luật

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố CM;
- Chi cục THADS thành phố CM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn A Đam